

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-11-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Bà Bùi Thúy Mở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn C ; địa chỉ: Khu 1, phường H , thành phố M , tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Ng (tên gọi khác Vũ Thị G); địa chỉ: Thôn T , xã T , huyện T , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn N ; địa chỉ: Thôn T , xã T , huyện T , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã T , huyện T , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Bùi Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn C và bà Vũ Thị Ng (tức Vũ Thị G) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P , thị xã U , tỉnh Quảng Ninh (Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 24 tháng 3 năm 1995). Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, xúc phạm nhau. Từ năm 1998, ông C và bà Ng đã không còn chung sống với nhau. Bà Vũ Thị Ng trước đây tên là Vũ Thị G (sau đó đã đổi tên là Vũ Thị Ng) nên giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu đều ghi là Vũ Thị G . Khi ông C và bà Ng chưa làm thủ tục ly hôn, bà Ng đã kết hôn với ông Nguyễn Văn N . Vì vậy ông C đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Ng và ông N để làm thủ tục ly hôn cho ông. Ông C đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà Ng ly hôn.

- Về con chung: Ông C và bà Ng có một con chung là Bùi Thị Quỳnh D , sinh ngày 13 tháng 10 năm 1996. Hiện nay con đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông C không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về dân sự. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Bà Ng không trình

bày quan điểm, giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh cấp lại của bà Ng khác nhau về ngày, tháng sinh. Trong hồ sơ chưa xác định được ngày tháng sinh của bà Ng . Nếu xác định được ngày tháng sinh của bà Ng thống nhất thì quan điểm của Viện kiểm sát là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là bà Vũ Thị Ng cư trú tại xã T, huyện T , thành phố Hải Phòng; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền xét xử vụ án này. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về hôn nhân: Nguyên đơn là ông Bùi Văn C trình bày ông kết hôn với bà Vũ Thị G , sinh năm 1975 (sau đổi tên thành Vũ Thị Ng). Việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Ông Vũ Văn T (là bố đẻ bà Vũ Thị Ng) trình bày: Con gái ông bà tên thường gọi ở nhà là Vũ Thị G , trong sổ hộ khẩu cũng ghi như vậy. Tên Vũ Thị Ng là trong giấy khai sinh. Trước đây bà Vũ Thị Ng kết hôn với ông Bùi Văn C , có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P , U, Quảng Ninh và sinh được một con chung là Bùi Thị Quỳnh D . Ông C và bà Ng chưa ly hôn. Bà Ng hiện nay đã kết hôn với ông Nguyễn Văn N và sinh sống tại xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Tài liệu điều tra xác minh thể hiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 24 tháng 3 năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện U, tỉnh Quảng Ninh chứng nhận kết hôn giữa bà Vũ Thị G và ông Bùi Văn C. Bản sao sổ hộ khẩu gia đình và bản sao giấy khai sinh của con Bùi Thị Quỳnh D mẹ là Vũ Thị G , bố là Bùi Văn C . Tòa án nhân dân thành phố U , tỉnh Quảng Ninh không giải quyết việc ly hôn giữa bà Vũ Thị Ng (Vũ Thị G) với ông Bùi Văn C . Tài liệu xác minh tại Phòng Tư pháp thành phố U , tỉnh Quảng Ninh thể hiện: Ngày 21 tháng 7 năm 2014 bà Vũ Thị G có đơn đăng ký lại việc khai sinh do bị mất hết giấy tờ. Trong đơn bà Vũ Thị Ng khai bà sinh ngày 25 tháng 11 năm 1975, tên thường gọi là Vũ Thị G , do sơ suất nên khai trong sổ hộ khẩu là Vũ Thị G , bà Ng đã bị mất hết giấy tờ nên xin cấp lại, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 21 tháng 7 năm 2014 với nội dung là căn cứ lời khai của ông T , bà T (bố mẹ đẻ bà Ng) và hàng xóm nhà bà Ng trình bày bà Ng có tên khai sinh là Vũ Thị Ng (tên thường gọi là Vũ Thị G) và đã mất giấy khai sinh nên đề nghị được cấp lại giấy khai sinh với tên là Vũ Thị Ng , sinh ngày 25 tháng 11 năm 1975. Từ căn cứ này bà Ng đã được đăng ký khai

sinh lại với tên Vũ Thị Ng , sinh ngày 25 tháng 11 năm 1975 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh số 286 ngày 21 tháng 7 năm 2014. Đại diện Ủy ban nhân dân xã T trình bày việc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 28 tháng 10 năm 2002 cho bà Vũ Thị Ng và ông Nguyễn Văn N là đúng theo thủ tục quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, tài liệu điều tra xác minh thì xác định được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37 ngày 24 tháng 3 năm 1995 giữa ông Bùi Văn C và bà Vũ Thị G là hợp pháp. Lời khai của các đương sự đều khai ông Bùi Văn C kết hôn với bà Vũ Thị Ng (tên gọi khác Vũ Thị G). Bà Vũ Thị Ng (tức Vũ Thị G) hiện nay đã kết hôn với ông Nguyễn Văn N và đang sinh sống tại xã T , huyện T, thành phố Hải Phòng. Bà Vũ Thị Ng (tức Vũ Thị G) có bố mẹ là ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị T . Lời khai của đương sự đều phù hợp với lời khai của ông Tỉnh và các tài liệu điều tra xác minh khác. Tài liệu xác minh thể hiện: Năm 2014 bà Vũ Thị Ng (tên gọi khác Vũ Thị G) xin cấp lại giấy khai sinh do bị mất. Bà trình bày giấy khai sinh tên là Vũ Thị Ng , tên thường gọi là Vũ Thị G , ngày tháng năm sinh của bà Ng cũng xác định trên cơ sở là lời khai của bà Ng , lời khai của bố mẹ bà Ng . Việc ngày tháng sinh và tên trong giấy chứng nhận kết hôn cũng có thể do sơ xuất, nhầm lẫn của người đi khai đăng ký kết hôn. Thực tế, bà Vũ Thị Ng cũng thừa nhận tên mình có tên gọi khác là Vũ Thị G (trong sổ hộ khẩu cũng là Vũ Thị G) và đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không trình bày quan điểm về vụ án. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 24 tháng 3 năm 1995 được xác định là cơ sở pháp lý để xác nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Văn C và bà Vũ Thị Ng (tên gọi khác Vũ Thị G) là hợp pháp. Ông C và bà Ng chưa làm thủ tục ly hôn nhưng bà Ng đã đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn N là vi phạm các quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về vấn đề này là giống nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C có yêu cầu hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của bà Ng và ông N và xin ly hôn với bà Ng c (tên gọi khác G). Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án mà Tòa án giải quyết. Vì vậy căn cứ Điều 31 Luật Tố tụng hành chính, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự có thể hủy giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Vũ Thị Ng và ông Nguyễn Văn N . Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn N và bà Vũ Thị Ng (tên gọi khác Vũ Thị G) có thể đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện T , thành phố Hải Phòng theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông C với bà Ng , mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Bùi Văn C được ly hôn với bà Vũ Thị Ng (tên gọi khác Vũ Thị G).

[3]. Về con chung: Ông C và bà Ng (tên gọi khác G) có một con chung là Bùi Thị Quỳnh D sinh ngày 13 tháng 10 năm 1996, đã đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản: Ông C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác chưa có lời trình bày của bà Ng về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Bùi Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 28 tháng 10 năm 2002 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện T , thành phố Hải Phòng giữa ông Nguyễn Văn N và bà Vũ Thị Ng . Ông Bùi Văn C được ly hôn bà Vũ Thị Ng (tên gọi khác Vũ Thị G).

2. Về án phí: Ông Bùi Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009179 ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông Bùi Văn C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND phường P, U , Quảng Ninh (Giấy CNKH số 37 ngày 24/3/1995);
- UBND xã T , Thủy Nguyên, Hải Phòng;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý